

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 80/2008/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2008

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 176/1999/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 1999 và Nghị định số 47/2003/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ về lệ phí trước bạ

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH :

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 176/1999/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 1999 và Nghị định số 47/2003/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ về lệ phí trước bạ như sau:

1. Bổ sung thêm Điều 3a vào sau Điều 3 Nghị định số 176/1999/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ về lệ phí trước bạ như sau:

"Điều 3a. Miễn lệ phí trước bạ đối với: nhà ở, đất ở của hộ nghèo; nhà ở, đất ở của người dân tộc thiểu số ở các xã, phường, thị trấn thuộc vùng khó khăn; phương tiện thủy nội địa (bao gồm cả tàu cá) không có động cơ trọng tải toàn phần đến 15 tấn hoặc phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 mã lực hoặc phương tiện có sức chở người đến 12 người."

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị định số 47/2003/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 6 Nghị định số 176/1999/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ về lệ phí trước bạ như sau:

"Điều 6. Tỷ lệ (%) thu lệ phí trước bạ được quy định như sau:

1. Nhà, đất là 0,5%.
2. Tàu, thuyền là 1%. Riêng tàu đánh cá xa bờ là 0,5%.

3. Ô tô, xe máy, súng săn, súng thể thao là 2%. Riêng:

a) Xe máy của tổ chức, cá nhân ở các thành phố trực thuộc Trung ương, thành phố thuộc tỉnh và thị xã nơi Ủy ban nhân dân tỉnh đóng trụ sở nộp lệ phí trước bạ lần đầu là 5%.

b) Đối với xe máy mà chủ tài sản đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định tại điểm a khoản này, sau đó chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn được áp dụng tỷ lệ thu lệ phí trước bạ thấp hơn thì nộp lệ phí trước bạ theo tỷ lệ là 1%.

Trường hợp chủ tài sản trên đã kê khai, nộp lệ phí trước bạ đối với xe máy theo tỷ lệ thấp hơn 5%, sau đó chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn quy định tại điểm a khoản này thì nộp lệ phí trước bạ theo tỷ lệ là 5%.

c) Đối với xe máy nộp lệ phí trước bạ từ lần thứ 2 trở đi được áp dụng tỷ lệ là 1%, trừ những trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

d) Ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) nộp lệ phí trước bạ theo tỷ lệ từ 10% đến 15%. Căn cứ quy định về tỷ lệ thu lệ phí trước bạ tại điểm này, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định cụ thể tỷ lệ thu lệ phí trước bạ đối với ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

4. Mức thu lệ phí trước bạ đối với tài sản quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này tối đa là 500 triệu đồng/1 tài sản, trừ ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe). Riêng nhà xưởng sản xuất kinh doanh được tính chung cho nhà xưởng trong cùng một khuôn viên của cơ sở sản xuất, kinh doanh.”

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

1. Bãi bỏ Nghị định số 47/2003/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 6 Nghị định số 176/1999/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ về lệ phí trước bạ.

2. Đối với các trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở hoặc giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở nhưng chưa nộp hoặc nộp chưa đủ lệ phí trước bạ thì được nộp lệ phí trước bạ theo quy định tại Điều 1 Nghị định này.

3. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, đối với ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) áp dụng mức thu lệ phí trước bạ là 10% cho đến khi Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành mức thu theo quy định tại Nghị định này.

Điều 3. Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này././

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- BQL KKTCKQT Bờ Y;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5b). XH 195

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng